

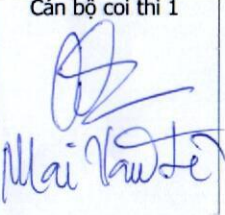
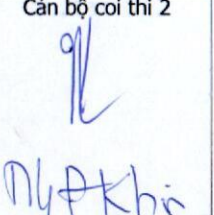
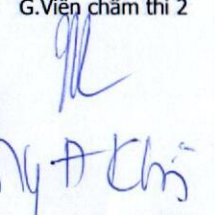
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

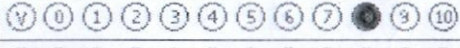
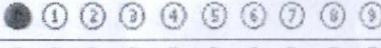
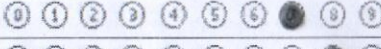
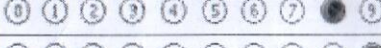
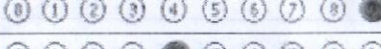
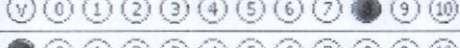
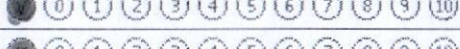
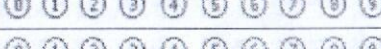
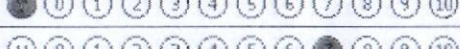
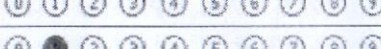
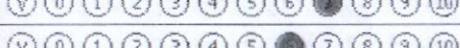
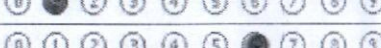
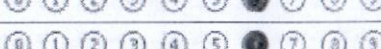
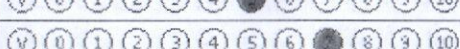
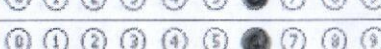
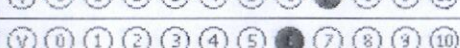
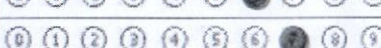
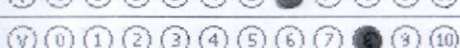
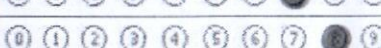
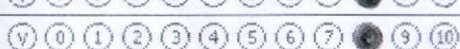
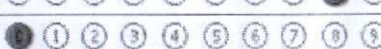
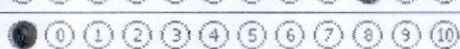
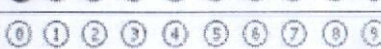
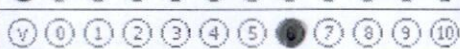
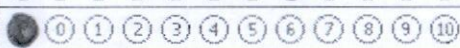
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thí nghiệm máy điện (228051) - Nhóm 03**

CBGD: **Mai Văn Lê (280013)**

Số SV có mặt: 16.....
Số bài thi: 16.....
Số tờ giấy thi: 16.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Mai Văn Lê	 Nguyễn Khắc	 Mai Văn Lê	 Nguyễn Khắc

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121050058	PHẠM TIẾN CƯỜNG	21/01/2003	CCQ2105B				8,1	7,0	7,4		
2	2121050071	PHAN MINH ĐỨC	27/05/2003	CCQ2105B				7,8	7,5	7,6		
3	2121050057	HÒA NGỌC HẢI	22/02/2002	CCQ2105B				7,1	6,5	6,7		
4	2121050049	ĐÀO TẤN HIỂN	27/09/2003	CCQ2105B				7,3	8,5	8,0		
5	2121050061	NGUYỄN HUỲNH ĐĂNG KHÁNH	05/12/2003	CCQ2105B				8,2	9,0	8,7		
6	2121050062	NGUYỄN TỰ LẬP	10/08/2003	CCQ2105B				5,6	6,0	5,8		
7	2121050056	NGUYỄN HOÀI LINH	09/07/2003	CCQ2105B				5,7	6,0	5,9		
8	2121050047	TRƯƠNG THÀNH LINH	27/05/2000	CCQ2105B				8,3	8,5	8,4		
9	2121050055	NGUYỄN VĂN LƯU	19/04/2003	CCQ2105B								
10	2121050051	NGUYỄN GIA MÃN	30/10/2003	CCQ2105B								
11	2121050065	TRỊNH VĂN MINH	17/10/2003	CCQ2105B				6,6	7,5	7,1		
12	2121050076	NGUYỄN HOÀI NAM	10/07/2003	CCQ2105B				6,8	6,5	6,6		
13	2121050063	ĐỖ DUY NGỌC	14/11/2003	CCQ2105B				5,1	6,0	5,6		
14	2121050064	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	23/04/2003	CCQ2105B				7,8	7,5	7,6		
15	2121050066	ĐOÀN NGỌC QUẾ	29/09/2003	CCQ2105B				6,9	6,5	6,7		
16	2121050060	LÊ VĂN QUYẾT	02/01/2003	CCQ2105B				8,5	9,0	8,8		
17	2121050059	PHẠM QUANG THẮNG	15/04/2002	CCQ2105B				8,0	8,0	8,0		
18	2121050052	LÊ MINH THUẬN	13/02/2003	CCQ2105B								
19	2121050053	HUỲNH NGUYỄN TẤN TRUNG	30/01/2002	CCQ2105B				6,0	7,0	6,6		
20	2121050048	TRẦN TRUNG TRỰC	01/10/2002	CCQ2105B							